

Bản án số: 26/2021/KDTM-ST

Ngày: 25-3-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Hồng

2. Ông Nguyễn Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-KDTM, ngày 02/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST- DS ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông T Y

Địa chỉ trụ sở: Lô C, khu công nghiệp S, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yun Jang H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Lô C, khu công nghiệp S, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số f đường B, khu phố A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Thanh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa thì nội dung vụ án thể hiện:

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, Công ty cổ phần bê tông T Y ký Hợp đồng số HD-1804-2018 với Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P về việc cung cấp bê tông cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P tại công trình “Nhà xưởng KCN Sóng Thần 3” tại KCN Sóng Thần 3, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Công ty cổ phần bê tông T Y cung cấp bê tông cho Công ty TNHH

đầu tư xây dựng và phát triển dự án P theo hợp đồng với tổng khối lượng 720.5m³, tổng tiền là 873.425.000 đồng. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P đã trả cho Công ty cổ phần bê tông T Y số tiền là 161.605.000 đồng. Sau nhiều lần nhắc nợ đến nay phía Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P chưa trả hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn, và nhiều lần trốn tránh, gây khó khăn cho việc thu hồi nợ và thiệt hại cho nguyên đơn.

Nay, Công ty cổ phần bê tông T Y yêu cầu Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P phải trả cho Công ty cổ phần bê tông T Y số tiền mua bê tông còn nợ là 711.820.000 đồng và phải trả lãi chậm thi hành án theo quy định.

Bị đơn: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 711.820.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải trả lãi chậm thi hành án theo quy định.

Bị đơn vắng mặt nên không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 711.820.000 đồng cho Công ty cổ phần bê tông T Y.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông T Y yêu cầu bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P trả số tiền mua bê tông còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P có trụ sở tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt bị đơn: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P có địa chỉ trụ sở tại số 206 đường Bùi Văn Ba, khu phố 2A, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh người đại diện theo pháp luật là ông Lý Thanh Vvà đến nay chưa giải thể. Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, *“...trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện.... thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung”*, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ là 711.820.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng cung cấp bê tông số HD-1804-2018 ngày 18 tháng 4 năm 2018 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn cho thấy giữa Công ty cổ phần bê tông T Y và Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P có thỏa thuận mua bán mặt hàng bê tông với tổng khối lượng là 720.5m³, đơn giá tùy thuộc vào từng điều kiện bơm bê tông mà bên B yêu cầu, cụ thể: bơm từ tầng móng đến tầng 5 là 90.000 đồng/m³, bơm từ tầng 6 đến tầng 10 là 105.000 đồng/m³, bơm từ tầng 11 đến tầng 15 là 125.000 đồng/m³, bơm từ tầng 16 đến tầng 20 là 135.000 đồng/m³, tổng tiền là 873.425.000 đồng, có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập một hợp đồng mua bán hàng hóa, hình thức của hợp đồng bằng văn bản là phù hợp theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 *“Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”*. Do bị đơn chưa thanh toán đủ tiền mua hàng cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn thiếu là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 *“Mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng*

hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thỏa thuận”. Nguyên đơn đã thực hiện giao hàng hóa đúng quy cách, đúng chủng loại và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, bị đơn đã nhận đủ và đúng mặt hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và chưa thanh toán đủ cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là phù hợp với quy định của Luật Thương mại nêu trên.

Căn cứ khoản 3.3 Điều III về “phương thức thanh toán” của Hợp đồng nêu trên thì “Ngày 15 và ngày cuối cùng của mỗi tháng sẽ chốt khối lượng chủng loại bê tông giao thực tế được thể hiện trên phiếu giao hàng có ký xác nhận của đại diện của bên B tại công trường. Bên A sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên B. Bên B thanh toán cho bên A 100% giá trị trên hóa đơn cho bên B trong vòng 7 ngày đến 10 ngày kể từ khi chốt khối lượng bê tông”. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn vào các ngày 31/5/2018; 30/6/2018; 31/7/2018; 31/8/2018 với tổng số tiền của giá trị hợp đồng là 873.425.000 đồng.

Ngày 28/6/2018 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 61.605.000 đồng. Ngày 27/9/2018 bị đơn công gửi “công văn thanh toán” cho nguyên đơn, có nội dung: Tính đến ngày 31/8/2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 811.820.000 đồng và yêu cầu được thanh toán làm ba đợt, đợt 1 trả số tiền 168.650.000 đồng, đợt 2 trả số tiền 377.400.000 đồng, đợt 3 trả số tiền 265.770.000 đồng. Ngày 30/10/2019 hai bên nguyên đơn và bị đơn ký biên bản đối chiếu công nợ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 811.820.000 đồng, biên bản này có chữ ký xác nhận của ông Lý Thanh Vlà người đại diện theo pháp luật của công ty PMP.

Ngày 28/4/2020 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 14/7/2020 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 161.605.000 đồng. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 711.820.000 đồng.

Như vậy bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn theo biên bản đối chiếu công nợ nhưng nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nợ, bị đơn vẫn chưa trả hết số nợ này là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 thì “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*” và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 “*Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá*”, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận và không trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông T Y số tiền mua hàng còn nợ là 711.820.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, và phải trả lãi chậm thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P phải chịu án

phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, với số tiền án phí là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) = 32.472.800 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 77, 147, 164, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 3, 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

[1.] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông T Y.

[2.] Buộc bị đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông T Y số tiền 711.820.000 đồng (bảy trăm mười một triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm về kinh thương mại:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm về kinh thương mại là 32.472.800 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm đồng), Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển dự án P phải chịu.

[3.2] Trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông T Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.237.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0041686 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân